

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả rèn luyện của Sinh viên bậc Đại học Liên thông Hệ chính quy Học kì II và Cả năm học 2018 - 2019

GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Phân hiệu Trường ĐHLN tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ vào Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành quy chế Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy;

Căn cứ vào Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 08 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ Đại học chính quy;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-PHĐHLN-SV, ngày 28/3/2019 của Giám đốc về việc Ban hành hệ thống các quy định đối với Sinh viên.

Theo đề nghị của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện Sinh viên ngày 20/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện trong học kì 2 và cả năm học 2018 - 2019 của sinh viên các lớp bậc Đại học liên thông hệ chính quy thuộc khoa Lâm học, được phân loại như sau:

Xếp loại	Học kỳ 2	Cả năm
Tốt:	06 SV	09 SV
Khá:	87 SV	97 SV
TB:	18 SV	04 SV
Yếu:	0 SV	01 SV
Kém:	11 SV	11 SV
Tổng	122 SV	122 SV

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kết quả rèn luyện là cơ sở để xét học bổng trong học kì 2 và danh hiệu thi đua năm học 2018 - 2019, xét ngừng học, buộc thôi học, đồng thời được ghi nhận vào hồ sơ của sinh viên theo quy định.

Điều 3. Trường các đơn vị có liên quan, CVHT/GVCN lớp và các Sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu SV, VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Sỹ Hà

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐIỂM RÈN LUYỆN
HỌC KỲ II VÀ CẢ NĂM HỌC 2018 - 2019**

(Ban hành kèm theo số: 1355/QĐ-PHDHLN-SV ngày 25 tháng 12 năm 2019)

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	HKII		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
Lớp: K7B_LT_QLĐĐ_CQ								
1	17B850103001	Lê Ngọc	Anh	79	Khá	82	Tốt	
2	17B850103002	Nguyễn Cảnh	Chương	80	Tốt	81	Tốt	
3	17B850103004	Bùi Thanh	Duy	77	Khá	81	Tốt	
4	17B850103005	Trần Văn	Giáp	0	Kém	0	Kém	
5	17B850103006	Nguyễn Việt	Hà	0	Kém	0	Kém	
6	17B850103007	Bạch Xuân	Hoài	79	Khá	82	Tốt	
7	17B850103008	Lê Văn	Hùng	77	Khá	38.5	Yếu	
8	17B850103009	Nguyễn Văn	Huy	0	Kém	0	Kém	
9	17B850103012	Nguyễn Huỳnh	Lan	77	Khá	81	Tốt	
10	17B850103015	Dương Thị	Loan	79	Khá	76	Khá	
11	17B850103017	Nguyễn Hải	Minh	0	Kém	0	Kém	
12	17B850103016	Phạm Quang	Minh	79	Khá	77	Khá	
13	17B850103018	Trần Thị	Nhi	0	Kém	34.5	Kém	
14	17B850103019	Nguyễn Thị Yến	Oanh	77	Khá	78	Khá	
15	17B850103021	Đinh Thị	Phượng	75	Khá	77	Khá	
16	17B850103022	Trần Văn	Quang	0	Kém	0	Kém	
17	17B850103023	Mai Giang	Son	75	Khá	79	Khá	
18	15B850103358	Võ Hồng	Son	75	Khá	77	Khá	
19	17B850103024	Lê Tất	Tài	75	Khá	77	Khá	
20	17B850103027	Cao Trần Thị Bích	Thảo	82	Tốt	84	Tốt	
21	17B850103028	Lưu Thị	Thi	73	Khá	76	Khá	
22	17B850103029	Đinh Sỹ	Thiệt	0	Kém	0	Kém	
23	17B850103030	Nguyễn Thị	Thương	0	Kém	0	Kém	
24	17B850103031	Võ Nhật	Tiền	79	Khá	79	Khá	
25	17B850103032	Nguyễn Văn	Trụ	0	Kém	0	Kém	
26	17B850103034	Nguyễn Đình	Trung	75	Khá	79	Khá	
27	17B850103033	Vũ Xuân	Trung	77	Khá	77	Khá	
28	17B850103035	Nguyễn Văn	Trường	0	Kém	0	Kém	
29	17B850103036	Phạm Thanh	Tùng	0	Kém	0	Kém	
Lớp: K8A_LT_QLĐĐ_CQ								
30	17B850103050	Nguyễn Lộc	An	68	Khá	70	Khá	
31	17B850103051	Nguyễn Văn	Bằng	63	Trung bình	66	Khá	
32	17B850103053	Phan Mạnh	Cường	63	Trung bình	66.5	Khá	
33	17B850103054	Phạm Tấn	Đạt	73	Khá	71.5	Khá	
34	17B850103055	Nguyễn Văn	Giang	63	Trung bình	67	Khá	
35	17B850103056	Từ Đức	Giáp	63	Trung bình	65	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	HKII		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
36	17B850103057	Trần Thị	Hiếu	71	Khá	69.5	Khá	
37	17B850103059	Đỗ Việt	Hoàng	63	Trung bình	65	Khá	
38	17B850103058	Trần Khắc	Hoàng	63	Trung bình	68	Khá	
39	17B850103060	Nguyễn Thị	Huệ	73	Khá	72	Khá	
40	17B850103061	Hồ Thanh	Lâm	63	Trung bình	65.5	Khá	
41	17B850103062	Nguyễn Trần Trúc	Linh	68	Khá	70.5	Khá	
42	17B850103064	Lý Quang	Minh	65	Khá	64	Trung bình	
43	17B850103063	Nguyễn Hoàng	Minh	73	Khá	70.5	Khá	
44	17B850103065	Nguyễn Thị	Ngọc	63	Trung bình	65.5	Khá	
45	17B850103066	Lê Quang	Nguyên	63	Trung bình	68	Khá	
46	17B850103067	Vòng Lý	Nhục	63	Trung bình	66	Khá	
47	17B850103068	Lê Thị Mai	Quỳnh	71	Khá	73	Khá	
48	17B850103069	Nguyễn Ngọc	Thi	68	Khá	70.5	Khá	
49	17B850103070	Nguyễn Thị Hà	Thương	63	Trung bình	66	Khá	
50	17B850103071	Phạm Hữu	Toàn	63	Trung bình	64	Trung bình	
51	17B850103072	Nguyễn Thị Phương	Trinh	71	Khá	70.5	Khá	
52	17B850103073	Lê Thanh	Tuấn	63	Trung bình	68	Khá	
53	17B850103074	Hồ Vũ	Tùng	63	Trung bình	68	Khá	
54	17B850103075	Hồ Thị Hồng	Vân	63	Trung bình	66	Khá	
Lớp: K8B_LT_QLDD_CQ								
55	17B850103076	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	73	Khá	71.5	Khá	
56	17B850103077	Nguyễn	Cánh	73	Khá	71.5	Khá	
57	17B850103079	Nguyễn Hùng	Cường	69	Khá	69	Khá	
58	17B850103080	Phạm Quốc	Đạt	63	Trung bình	66	Khá	
59	17B850103081	Nguyễn Tuấn	Điền	71	Khá	70.5	Khá	
60	17B850103082	Tạ Văn	Đường	68	Khá	69	Khá	
61	17B850103083	Lê Quang	Gia	71	Khá	69	Khá	
62	17B850103084	Nguyễn Trường	Giang	73	Khá	72	Khá	
63	17B850103086	Phạm Văn	Hải	71	Khá	69.5	Khá	
64	17B850103085	Trần Đại	Hải	73	Khá	70.5	Khá	
65	17B850103088	Đông Thị	Hạnh	71	Khá	71	Khá	
66	17B850103089	Nguyễn Trung	Hiếu	67	Khá	70	Khá	
67	17B850103091	Lê Khánh	Hòa	71	Khá	72	Khá	
68	17B850103090	Phạm Bảo	Hòa	73	Khá	72	Khá	
69	17B850103093	Lê Văn	Hùng	76	Khá	75	Khá	
70	17B850103092	Lê Xuân	Hùng	69	Khá	69	Khá	
71	17B850103095	Nguyễn Quang	Huy	73	Khá	71	Khá	
72	17B850103094	Nguyễn Thanh	Hung	71	Khá	72	Khá	
73	17B850103096	Bùi Xuân	Kiên	70	Khá	68.5	Khá	
74	17B850103097	Nguyễn Thị Ngọc	Kim	68	Khá	69.5	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	HKII		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
75	17B850103100	Lê Xuân	Long	73	Khá	72	Khá	
76	17B850103099	Tạ Như	Lợi	74	Khá	76	Khá	
77	17B850103098	Võ Tấn	Lợi	71	Khá	71	Khá	
78	17B850103101	Phạm Xuân	Minh	71	Khá	73	Khá	
79	17B850103102	Đào Trung	Nam	71	Khá	70.5	Khá	
80	17B850103103	Trần Thị	Nga	71	Khá	71	Khá	
81	17B850103164	Nguyễn Văn	Phú	71	Khá	70	Khá	
82	17B850103104	Hà Thị Kim	Phượng	73	Khá	71	Khá	
83	17B850103105	Trần Ngọc	Phượng	70	Khá	71.5	Khá	
84	17B850103106	Lương Thị Bích	Quyên	75	Khá	73	Khá	
85	17B850103107	Mạnh Trọng	Quyên	71	Khá	72	Khá	
86	17B850103108	Nguyễn Hồng	Son	73	Khá	70	Khá	
87	17B850103110	Lê Xuân	Thanh	80	Tốt	79	Khá	
88	17B850103113	Nguyễn Thị	Thào	73	Khá	74	Khá	
89	17B850103112	Tou Prong Nai	Thào	73	Khá	73	Khá	
90	17B850103111	Vũ Văn	Thào	68	Khá	68	Khá	
91	17B850103109	Phạm Hùng	Thắng	71	Khá	69	Khá	
92	17B850103114	Dương Văn	Thế	71	Khá	71	Khá	
93	17B850103116	Phạm Thị Thu	Thủy	68	Khá	68.5	Khá	
94	17B850103115	Nguyễn Thị Hoài	Thương	71	Khá	69	Khá	
95	17B850103117	Hồ Sỹ	Tiềm	69	Khá	69	Khá	
96	17B850103118	Võ Thị Ngọc	Trâm	73	Khá	72	Khá	
97	17B850103119	Trần Lê Tú	Trình	70	Khá	69	Khá	
98	17B850103121	Dương Quốc	Tuấn	73	Khá	72	Khá	
99	17B850103120	Lê Duy	Tuấn	69	Khá	71	Khá	
100	17B850103122	Đoàn Thị Bích	Tuyền	71	Khá	70	Khá	
101	17B850103123	Dương Văn	Viên	71	Khá	70	Khá	
102	17B850103038	Nguyễn Văn	Việt	63	Trung bình	63	Trung bình	
103	17B850103124	Đặng Quang	Vinh	71	Khá	71	Khá	
104	17B850103125	Trịnh Khả	Vương	73	Khá	73	Khá	
Lớp: K9B_LT_QLĐĐ_CQ								
105	18B850103016	Bùi Văn	Chiến	73	Khá	73	Khá	
106	18B850103005	Nguyễn Thành	Cương	75	Khá	75	Khá	
107	18B850103006	Nguyễn Xuân	Danh	81	Tốt	81	Tốt	
108	18B850103007	Nguyễn Việt	Đức	75	Khá	75	Khá	
109	18B850103022	Trịnh Thị	Hà	77	Khá	77	Khá	
110	18B850103008	Đặng Hiếu	Học	80	Tốt	80	Tốt	
111	18B850103018	Trần Hoàng Hòa	My	75	Khá	75	Khá	
112	18B850103002	Nguyễn Hữu	Nghĩa	75	Khá	75	Khá	
113	18B850103003	Trần Cái Hoài	Nhân	80	Tốt	80	Tốt	



Handwritten signature or mark at the bottom right corner of the page.

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	HKII		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
114	17B850103020	Nguyễn Văn	Phuong	62	Trung bình	62	Trung bình	
115	17B850103014	Trần Thanh	Quý	73	Khá	73	Khá	
116	18B850103019	Đỗ Thị Minh	Tâm	72	Khá	72	Khá	
117	18B850103011	Nguyễn Bá	Thành	75	Khá	75	Khá	
118	18B850103004	Nguyễn Vĩnh	Thụy	72	Khá	72	Khá	
119	18B850103017	Bùi Thị Bích	Trâm	72	Khá	72	Khá	
120	18B850103012	Trương Nguyễn Minh	Tuệ	73	Khá	73	Khá	
121	18B850103013	Trần Thị Kim	Vân	73	Khá	73	Khá	
122	18B850103009	Nguyễn Quang	Vinh	77	Khá	77	Khá	